

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG,
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đức
2. Bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Lương Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn H (Cố mặt), sinh năm 1971

Địa chỉ: bon K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Vũ Thế H (Vắng mặt), sinh năm 1997

Địa chỉ: bon P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn (ông Lê Văn H) trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ngày 16/12/2022, ông Lê Văn H có cho ông Vũ Thế H vay số tiền 100.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận lãi, khi vay ông H có viết giấy mượn tiền và ký tên; Theo giấy mượn tiền, ông H hẹn đến ngày 30/3/2023 sẽ trả lại cho ông H số tiền gốc 100.000.000 đồng; trong giấy mượn tiền có đề ngày mượn là ngày 16/12/2023 là có sự nhầm lẫn khi viết giấy mượn tiền, ngày mượn tiền là ngày 16/12/2022 (Do vào tháng 7/2023 ông H đã khởi kiện ông H yêu cầu trả số tiền gốc còn nợ là 86.860.000 đồng, Tòa án cũng đã thụ lý vụ án và ông H đã cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền; sau đó ông H có rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, nay

ông H khởi kiện lại). Đến thời hạn trả tiền, ông H đã yêu cầu ông H trả số tiền gốc 100.000.000 đồng nhưng ông H không trả, ông H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh H trả nhưng ông H không trả và có ý trốn tránh ông H. Đến khoảng tháng 5/2023, ông H đã trả cho ông H được số tiền gốc là 13.140.000 đồng (trả bằng 70 bao xi măng và số tiền 6.000.000 đồng). Hiện ông H còn nợ ông H số tiền gốc là 86.860.000 đồng. Vì vậy, ông Lê Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Thế H phải trả cho ông H số tiền gốc 86.860.000 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ sau ngày 30/3/2023 cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

Theo lời trình bày của bị đơn (ông Vũ Thế H) trong quá trình giải quyết vụ án: Ông Vũ Thế H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H đối với ông Vũ Thế H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc ông Vũ Thế H phải trả cho ông Lê Văn H tổng số tiền là 97.636.000 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 86.860.000 đồng và tiền lãi 10.776.000 đồng.

Về án phí dân sự: Ông Vũ Thế H phải chịu số tiền 4.882.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn H số tiền 2.171.500 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu ông Vũ Thế H phải thanh toán khoản tiền vay chưa thanh toán và khoản tiền lãi quá hạn phát sinh từ hợp đồng vay tiền nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn đăng ký thường trú và sinh sống tại bon P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với ông Vũ Thế H vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã tổng đạt hợp lệ để có mặt tại phiên tòa nhưng ông H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

2.1. Về số tiền nợ gốc đã vay và thời hạn trả nợ:

Xét chứng cứ “Giấy mượn tiền” đề ngày 16/12 do nguyên đơn cung cấp thể hiện: ngày 16/12/2022 ông Vũ Thế H có vay của ông Lê Văn H số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 30/3/2023 có ký nhận của ông H; do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 463 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông H và ông H có giao dịch vay mượn tiền trên thực tế.

Theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...”

Theo trình bày của ông H quá trình thực hiện hợp đồng vay ông H đã thanh toán cho ông H số tiền 13.140.000 đồng. Đến hạn trả nợ ông H đã nhiều lần yêu cầu ông H trả số tiền gốc còn lại nhưng ông H không trả nợ. Do đó, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 31/3/2023.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có việc giao kết hợp đồng vay tiền, hình thức và nội dung thỏa thuận việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật; đến thời hạn trả nợ thì bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận đã giao kết. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ 86.860.000 đồng là phù hợp với các quy định của pháp luật và cần chấp nhận.

2.2. Về khoản tiền lãi quá hạn phải thanh toán:

Theo giấy vay tiền, các bên không thỏa thuận tiền lãi, mức lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 30/3/2023; đến ngày 30/3/2023 ông H không trả cho ông H số tiền gốc đã vay nên từ ngày 01/4/2023 khoản tiền gốc chưa thanh toán (100.000.000 đồng) sẽ chuyển sang nợ quá hạn; tuy nhiên, ông H chỉ yêu cầu ông H trả tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán là 86.860.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự, việc ông Lê Văn H yêu cầu ông Vũ Thế H phải trả số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (sau ngày 30/3/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/6/2024 (01 năm 02 tháng 27 ngày) với mức lãi suất 10%/năm, với số tiền là 10.776.000 đồng là có căn cứ và cần chấp nhận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ (số tiền 97.636.000 đồng) nên bị đơn phải chịu số tiền 4.882.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.171.500 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Lê Văn H) đối với bị đơn (ông Vũ Thế H) về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1. Buộc ông Vũ Thế H phải thanh toán cho ông Lê Văn H tổng số tiền là 97.636.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn*), trong đó: tiền nợ gốc là 86.860.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh là 10.776.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Thế H phải chịu số tiền 4.882.000 (*Bốn triệu tám trăm tám mươi hai nghìn*) đồng án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn H số tiền 2.171.500 đồng (*Hai triệu một trăm bảy mươi nghìn năm trăm*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001881 ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng